TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 10 năm 2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Huỳnh Khởi**
2. Bà **Hồ Thị Thanh Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà **Đặng Xuân Mai**, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung" thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017, và Quyết định Hoãn phiên tòa số 117/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 20/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị P**, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Ấp D, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: **Nguyễn Thanh T**, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ tạm trú: Ấp D, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị P trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 1997, sau đó đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2015. Vợ chồng có 04 người con chung là Nguyễn Tuấn T1 sinh năm 1998, Nguyễn Thị Huyền T2 sinh năm 2000, Nguyễn Thị Mộng T3 sinh ngày 16/01/2005 và Nguyễn Ngọc M sinh ngày 15/02/2007, các con chưa thành niên hiện nay đang ở với bà P. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn gây mất hạnh phúc gia đình; nguyên nhân là do ông T không chí thú làm ăn, thường xuyên rượu chè về nhà lại vô cớ đánh đập bà; vợ chồng đã ly thân nhau đã gần 01 năm nay. Nay bà P xin ly hôn ông T; về con

chung bà P có yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 cháu chưa thành niên đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông T cấp dưỡng, còn lại 01 cháu đã trưởng thành đang sống tự lập bà P không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung và nợ chung bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2017, bị đơn là ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông T thừa nhận phần trình bày của bà P về thời điểm cưới nhau, đăng ký kết hôn, con chung của hai người là đúng; ông T xác nhận vợ chồng đang ly thân nhau khoảng 09 tháng nay. Theo ông T nguyên nhân ly thân là do vợ ông (bà P) mua bán, làm ăn bị thua lỗ nên bỏ địa phương đi nơi khác một thời gian, sau đó quay trở về và gửi đơn xin ly hôn; còn việc bà P cho rằng bị ông đánh đập vô cớ thì ông T cũng thừa nhận là có, cụ thể là trong những lúc có uống rượu không kềm chế được bản thân nên có đánh bà P khoảng 4-5 lần, nhưng sau mỗi lần đánh vợ thì ông T đã nhận thấy việc mình làm sai trái và có nói lời xin lỗi, gần đây thì ông đã khắc phục sửa chữa, không còn đánh đập bà P nữa. Nay trước yêu cầu ly hôn của bà P thì ông T không đồng ý vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, vẫn có thể khắc phục được; ông muốn hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên nếu bà P vẫn kiên quyết ly hôn thì ông có yêu cầu nuôi con chung, trong số 04 người con chung thì ông T yêu cầu chia ra mỗi người nuôi 02 cháu, ông T đồng ý giao 02 cháu T1 và T2 cho bà P nuôi, còn ông thì nhận nuôi 02 cháu T3 và M, không yêu cầu bà P cấp dưỡng; còn về phần tài sản chung và nợ thì vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao 03 con chung chưa thành niên cho bà P trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Nguyễn Thanh T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà P nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên gây gỗ đánh nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà P yêu cầu ly hôn ông T. Riêng về phía ông T, ông có yêu cầu được hàn gắn vì ông cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, ông thừa nhận tuy trước đây đã có hành vi đánh vợ nhiều lần, nhưng hiện nay đã sửa chữa, muốn có cơ hội đoàn tụ lại, nhưng khi Tòa án triệu tập tham dự các phiên hòa giải ông đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ

hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng ông T tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà P kiên quyết xin ly hôn, ông T thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2] Về con chung: Bà P và ông T có 04 con chung, trong đó có 03 cháu chưa thành niên (sinh năm 2000, 2005 và 2007), cả 03 cháu đều hiện đang ở với bà P kể từ khi bà P và ông T sống ly thân nhau đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà P có yêu cầu giành quyền trực tiếp nuôi tất cả các con, ông T thì yêu cầu chia ra mỗi bên nuôi 02/04 người con chung và giành quyền trực tiếp nuôi 02 cháu nhỏ T3 và M (sinh năm 2005 và 2007). Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng của những người con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Huyền T2 sinh năm 2000, Nguyễn Thị Mộng T3 sinh năm 2005 và Nguyễn Ngọc M sinh năm 2007 thì tất cả các cháu T2, T3 và M đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, nếu cha mẹ phải ly hôn. Xét thấy ở thời điểm hiện tại, cả 03 cháu T2, T3 và M đã và đang sống chung với bà P có cuộc sống ổn định, do đó, để không thay đổi môi trường sinh hoạt bình thường trong cuộc sống và việc học hành của các cháu, đồng thời để đáp ứng nguyện vọng của các cháu và tạo điều kiện cho các cháu được sống gần gũi nhau, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 03 cháu T2, T3 và M cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; đối với cháu Nguyễn Tuấn T1 đã trưởng thành đang sống tự lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông T không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về vấn đề cấp dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị P được ly hôn ông Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung:* Giao 03 cháu Nguyễn Thị Huyền T2 sinh năm 2000, Nguyễn Thị Mộng T3 sinh ngày 16/01/2005 và Nguyễn Ngọc M sinh ngày 15/02/2007 cho bà Nguyễn Thị P để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà P tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007478, ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu